

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC - THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÁC THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Văn Hành

Trung tâm TT-TV, Đại học Quốc gia Hà Nội

Giới thiệu 2 bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó nhấn mạnh vào các tiêu chuẩn có liên quan đến thư viện đại học. Phân tích các tiêu chí trong bộ kiểm định để có thể thấy được những điểm mạnh và điểm yếu của công tác TT-TV đại học ở nước ta. Nêu ra các cơ hội và những thách thức đối với các thư viện đại học qua hoạt động kiểm định chất lượng đại học.

Mở đầu

Để đảm bảo chất lượng đào tạo đại học, đã từ lâu các nước phát triển trên thế giới đã tiến hành kiểm định chất lượng đào tạo trong trường đại học (gọi tắt là kiểm định chất lượng đại học - KĐCLĐH) theo những bộ tiêu chuẩn khác nhau. Công việc này do những tổ chức độc lập tiến hành định kỳ để đảm bảo tính khách quan. Ở nước ta, tháng 12 năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học. Năm 2005, ĐHQGHN cũng ban hành một bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH riêng. Cho đến nay đã có 20 trường đại học trong cả nước tiến hành kiểm định mang tính tự nguyện theo bộ tiêu chuẩn năm 2004 nêu trên, đã hoàn tất khâu đánh giá trong (tự đánh giá). Sau thời gian thí điểm, Bộ GD&ĐT sẽ tiến hành kiểm định bắt buộc đối với tất cả các trường đại học.

Chất lượng của hoạt động TT-TV trong trường đại học là một trong những tiêu chuẩn được nêu trong bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH. Bài viết này đề cập đến tiêu chuẩn về thư viện đại học mà các bộ tiêu

chuẩn KĐCLĐH yêu cầu, có đối chiếu với thực tiễn hiện nay của các thư viện đại học và nêu ra những cơ hội và thách thức đối với các TVĐH nước ta trước yêu cầu mới này.

1. Vài nét về kiểm định chất lượng đại học

Chất lượng là một khái niệm có ý nghĩa đối với những người hưởng lợi tùy thuộc vào quan niệm của những người đó tại một thời điểm nhất định và theo các mục đích, mục tiêu đã được đề ra vào thời điểm đó; là sự đáp ứng với mục tiêu đã đặt ra và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

Như vậy, chất lượng trường đại học là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của trường đại học, nhưng mục tiêu này phải đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế-xã hội của đất nước. Người hưởng lợi chất lượng đại học ở đây chính là người học (học sinh, sinh viên), phụ huynh và người tài trợ (ở nước ta chủ yếu là nhà nước). Tuy nhiên cũng còn tùy thuộc vào quan niệm của người hưởng lợi [3].

Trong giáo dục đại học (GD ĐH), đảm bảo chất lượng được xác định như các hệ thống, chính sách, thủ tục quy trình, hành

động và thái độ được xác định từ trước nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng. Nói cách khác, đảm bảo chất lượng GD ĐH là toàn bộ các chủ trương, chính sách, mục tiêu, cơ chế quản lí, các hoạt động, điều kiện nguồn lực cùng những biện pháp khác để duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu đề ra.

Kiểm định chất lượng là một quá trình đánh giá ngoài nhằm đưa ra một quyết định công nhận một trường đại học hay một chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng các chuẩn mực quy định. Các bước kiểm định gồm:

- Tự đánh giá;
- Đánh giá ngoài;
- Công bố kết quả kiểm định.

Để kiểm định chất lượng đại học cần phải có bộ tiêu chuẩn KĐCL. Đây là bộ tiêu chuẩn KĐCL mà yêu cầu trường đại học phải đáp ứng để hoàn thành mục tiêu đề ra. Mỗi tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn KĐCL có một số tiêu chí, mỗi tiêu chí có thể đo bằng nhiều mức khác nhau, thấp nhất là đạt yêu cầu.

Ở nước ta, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về KĐCLĐH và từ thực tiễn GD ĐH Việt Nam, đã có 2 bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH được ban hành. Đó là:

- Qui định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học (ban hành kèm theo Quyết định số:38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) - gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH của Bộ GD&ĐT, gồm 10 tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn được đánh giá bằng hai mức. Mức 1 là mức đạt được yêu cầu; mức 2 là mức đạt cao hơn yêu cầu.

- Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đơn vị đào tạo đại học ĐHQGHN (ban hành theo Quyết định số 05/2005/QĐ-KĐCL ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Giám đốc ĐHQGHN)- gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH của ĐHQGHN. Bộ tiêu chuẩn KĐCLĐH này có 10 tiêu chuẩn, 53 tiêu chí; mỗi tiêu chuẩn có 4 mức đánh giá. Mức 1 và 2 tương ứng với mức trong Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, mức 3 và 4 do ĐHQGHN xây dựng riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn KĐCLĐH khu vực và thế giới. Đó là các tiêu chuẩn kiểm định của Mạng lưới các trường đại học trong khối ASEAN (AUN) kết hợp với các tiêu chuẩn kiểm định của Hiệp hội các trường đại học ở vùng Đông Bắc Hoa kỳ (nơi có Đại học Harvard, Đại học MIT...).

2. Các tiêu chuẩn trong các bộ kiểm định chất lượng đại học liên quan đến công tác thư viện đại học

Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	Bộ tiêu chuẩn của ĐHQGHN
Tiêu chuẩn 5.10 Nhân viên thư viện đủ về số lượng, có nghiệp vụ thư viện để cung cấp các dịch vụ có hiệu quả (có 2 mức đánh giá): Mức 1: Có đủ nhân viên thư viện để phục vụ tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách báo của cán bộ quản lí, giảng viên và người học. Mức 2: Nhân viên thư viện đã được đào tạo về nghiệp vụ thư viện, có năng lực phục vụ tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách báo của cán bộ quản lí, giảng viên và người học.	Tiêu chuẩn 5.10 Nhân viên thư viện (của Phòng Tư liệu của đơn vị và Trung tâm TT-TV ĐHQGHN) đủ về số lượng, có nghiệp vụ thư viện để cung cấp các dịch vụ có hiệu quả (có 4 mức đánh giá) Mức 1 và 2: Như của Bộ GD&ĐT Mức 3: Tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ về tài chính cho các nhân viên thư viện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Mức 4: Định kì đánh giá về trình độ nghiệp vụ và tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện từ đó đưa ra những biện pháp đào tạo bồi dưỡng và quản lí để nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ cán bộ, giảng viên và người học.

Tiêu chuẩn 9.1 Thư viện (có 2 mức đánh giá): Mức 1: Có thư viện, phòng đọc, sách báo, tài liệu để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đảm bảo đạt 60-105 số đầu sách cho một ngành đào tạo (đối với các đơn vị đào tạo kỹ thuật, kinh tế) và 70-122 đầu sách đối với các ngành khác. Mức 2: Hệ thống thư viện được tin học hoá và có các tài liệu điện tử; thư viện của trường được nối mạng, liên kết khai thác tài liệu với các trường đại học khác; thường xuyên cập nhật các tài liệu mới; có biện pháp khuyến khích người học, giảng viên, cán bộ quản lý khai thác có hiệu quả các tài liệu thư viện. Tỷ lệ đọc giả đến thư viện hàng năm trên tổng số người học và giảng viên của trường đạt cao.	Tiêu chuẩn 9.1 Thư viện (bao gồm cả Phòng Tư liệu của đơn vị và Trung tâm TT-TV ĐHQGHN) (Có 4 mức đánh giá): Mức 1 và 2: Như của Bộ GD&ĐT Mức 3: Liên kết, hoà mạng với hệ thống thư viện của một số trường đại học trong khu vực nhằm khai thác, sử dụng sách báo, tài liệu, đặc biệt là tài liệu điện tử của nhau. Mức 4: Có quan hệ trao đổi, hợp tác trong khai thác, sử dụng thông tin, tư liệu với các thư viện đại học lớn trên thế giới.
--	--

Nếu chỉ căn cứ vào các tiêu chuẩn về thư viện trong các bộ KĐCLĐH như trên thì việc thống kê báo cáo tìm minh chứng sẽ gặp khó khăn và những tiêu chuẩn trên chưa thể nêu rõ và chi tiết các số liệu cần thống kê. Do vậy, khi hướng dẫn các đơn vị đào tạo tự đánh giá, thường có tài liệu hướng dẫn tìm những minh chứng cần thu thập [6]. Ví dụ, *tiêu chuẩn 5.10 về nhân viên thư viện*, cần các minh chứng chủ yếu như sau:

- Mức 1: Cần phải thống kê đội ngũ nhân viên thư viện theo quản lý nhân sự thông thường; tỷ lệ nhân viên thư viện trên trung bình chung số lượng đọc giả hàng ngày (thống kê theo năm); tỷ lệ đầu sách và tạp chí trên nhân viên thư viện hàng năm.

- Mức 2: Ngoài thống kê văn bằng chứng chỉ của đội ngũ nhân viên thư viện, còn phải thống kê kết quả định kỳ khảo sát ý kiến đọc giả về nhu cầu của họ và hiệu quả của phục vụ thư viện; các lớp hướng dẫn đọc giả sử dụng thư viện....

- Mức 3: Phải minh chứng văn bản về chế độ đào tạo bồi dưỡng cán bộ thư viện;

kế hoạch đầu tư, hỗ trợ tài chính cho đào tạo CBTV; báo cáo đánh giá hàng năm về vấn đề này,...

- Mức 4: Quy định về công tác đánh giá CBTV; các phiếu chuẩn để đánh giá, kế hoạch thực hiện, báo cáo công tác đánh giá CBTV; khảo sát ý kiến CBTV về các quy định liên quan và hiệu quả của các quy định về đánh giá CBTV và cả các thay đổi sau đánh giá.

Có thể thấy qua các yêu cầu minh chứng trên, không phải lúc nào các thư viện đại học cũng có đầy đủ các số liệu thống kê. Hoặc đã có hoạt động nhưng không thường xuyên, hoặc chưa có hoạt động. Ví dụ như, kết quả định kỳ khảo sát nhu cầu đọc giả (nhu cầu tin), công tác đánh giá cán bộ thư viện,...

Tiêu chuẩn 9.1 về thư viện các minh chứng có nội hàm liên quan được hướng dẫn cụ thể, có những minh chứng nổi bật sau:

- Mức 1: Ngoài các thống kê minh chứng thông thường của nghiệp vụ thư viện, cần phải có minh chứng về số đầu

sách cho từng ngành đào tạo trong trường đại học: tỷ lệ đầu sách chuyên ngành trên số lượng sinh viên chuyên ngành.... Đây là những minh chứng không dễ gì mà tìm được nếu thư viện đại học vẫn cứ thống kê báo cáo theo lối thông thường lâu nay.

- Mức 2: Các minh chứng ở mức 2, nhằm làm rõ trình độ áp dụng công nghệ thông tin trong công tác thư viện của thư viện đại học được kiểm định, như khả năng tra cứu trên máy tính, khả năng lưu giữ nguồn tin điện tử nội sinh của nhà trường (các báo cáo kết quả NCKH, các chuyên khảo dạng đĩa CD); khả năng liên kết trao đổi tài liệu với các trường đại học, viện nghiên cứu khác (chủ yếu là trong nước)....

- Mức 3: chủ yếu là các minh chứng về hoạt động liên kết với các trường đại học các nước trong khu vực về trao đổi tài liệu khoa học; văn bản cam kết về cho phép khai thác thư viện điện tử của các trường đại học khu vực; phí sử dụng mạng thư viện điện tử của các trường đại học trong khu vực.

- Mức 4: các minh chứng như mức 3 nhưng ở mức độ liên kết với các thư viện trường đại học lớn trên thế giới; quyền truy nhập vào các nguồn tin điện tử Online, đặc biệt chú trọng khai thác các tạp chí khoa học điện tử lớn trên thế giới.

Trong thống kê các minh chứng của các tiêu chuẩn trên, ở tất cả các mức, đều yêu cầu phải trình ra các tài liệu và văn bản có liên quan đến các hoạt động thư viện vừa được minh chứng. Điều này không phải là dễ, vì lâu nay có nhiều hoạt động của thư viện đại học chưa hoặc không được văn bản hoá.

3. Những yêu cầu đổi mới trong công tác TT-TV đại học qua kiểm định chất lượng đào tạo đại học

Trước hết, cần đổi mới công tác thống kê báo cáo các hoạt động TT-TV hiện có theo các tiêu chí của bộ KĐCLĐH (thường ở mức 1 và 2).

Về thống kê nội dung kho tài liệu thư viện, bên cạnh các số liệu thống kê theo nghiệp vụ thư viện lâu nay, phải chú ý đến tiêu chí số đầu sách cho ngành/môn học của trường đại học. Lâu nay, các thư viện chỉ có thể thống kê được số liệu này theo kí hiệu phân loại của bảng phân loại thư viện-thư mục mà thư viện đó áp dụng. Không phải lúc nào kí hiệu môn loại của bảng phân loại cũng trùng khớp với ngành học/môn học trong trường đại học.

Về các chỉ số thống kê công tác bạn đọc, thống kê số lượt bạn đọc, lượt tài liệu phục vụ hàng năm phải chú ý đến tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, ít nhất là 5 năm gần nhất. Đặc biệt phải có giải pháp công nghệ để thống kê được số lượng bạn đọc truy nhập nguồn tin điện tử của thư viện; số lượt bạn đọc đến và sử dụng tài liệu tại phòng đọc phục vụ kiểu kho mở.

Thứ hai, đổi mới các hoạt động TT-TV đại học nhằm đáp ứng các tiêu chí của bộ KĐCLĐH ở mức cao. Đây mới là vấn đề quan trọng nhất, vì để đáp ứng các tiêu chuẩn ở mức cao, công tác TT-TV trong trường đại học ở nước ta còn phải phấn đấu rất nhiều. Đó chính là động lực thúc đẩy sự phát triển của thư viện đại học- thời cơ và thách thức đối với thư viện đại học. Ví dụ như, ở *tiêu chuẩn 9.1 Thư viện*, mức 3 và 4, minh chứng về tính liên thông, chia sẻ

nguồn lực thông tin giữa các thư viện đại học trong nước, khu vực và thế giới được yêu cầu rất cao. Đây là một trong những điểm yếu của các thư viện đại học nước ta. Cũng ở tiêu chuẩn này, ngay từ mức 1, đã yêu cầu phải có minh chứng về nghiên cứu nhu cầu người dùng tin trong trường đại học một cách thường xuyên, một hoạt động mà không phải thư viện nào cũng làm được.

Ở tiêu chuẩn 5.10 Nhân viên thư viện, đòi hỏi phải có minh chứng về vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ thư viện thường xuyên, đặc biệt phải định kỳ đánh giá cán bộ thư viện về trình độ nghiệp vụ và thái độ phục vụ, thậm chí cả những thay đổi tích cực sau đánh giá (mức 3 và 4). Lâu nay các thư viện đại học có chú trọng công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ thư viện, nhưng công tác đánh giá cán bộ thì chưa được chú ý, do vậy để phần đầu được tiêu chí này của KĐCLĐH quả là không đơn giản.

Kết luận

Công tác TT-TV trường đại học ở nước ta trong những năm qua đã có nhiều thay đổi, đã đạt được những kết quả ban đầu rất

ấn tượng, nhất là trong việc hiện đại hoá các hoạt động TT-TV nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học các trường đại học. Tuy nhiên, đó chỉ là những đánh giá mang tính chất nội bộ từng trường hoặc cùng lắm là trong phạm vi ngành thư viện. Các tiêu chuẩn về thư viện trong các bộ KĐCLĐH đã mang tính chất tiêu chuẩn liên ngành và quốc gia, có tiêu chí đã ngang tầm khu vực và thế giới, do vậy khi áp dụng vào kiểm định, công tác TT-TV đại học sẽ được đánh giá khách quan hơn.

Qua kiểm định công tác TT-TV đại học bộc lộ cả mặt mạnh lẫn mặt yếu. Đó chính là thời cơ cho các thư viện đại học nhìn lại mình, sửa chữa các khiếm khuyết và có chiến lược phát triển vươn lên, đáp ứng các tiêu chí cao hơn về chất lượng mà bộ kiểm định đề ra. Như vậy bằng cách tiếp cận với công tác KĐCLĐH, các thư viện đại học có điều kiện tự rà soát lại mình và nói như Cơ quan đảm bảo chất lượng giáo dục Scotland [4] là để làm rõ: chúng ta đang ở đâu? chúng ta muốn đi tới đâu? và bằng cách nào chúng ta đạt được điều đó?

Tài liệu tham khảo

1. Quy định tạm thời về kiểm định chất lượng trường đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/12/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) . - 23 tr.
2. Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đơn vị đào tạo đại học Đại học Quốc gia Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2005/QĐ-KĐCL ngày 13/12/2005 của Giám đốc ĐHQGHN) . - 20 tr.
3. Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học / Lê Đức Ngọc . - Báo cáo tại Hội nghị tập huấn Nâng cao năng lực kiểm định chất lượng. ĐHQGHN, ngày 18-20/01/2006 . - 12 tr.
4. Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở Vương quốc Anh / Nguyễn Phương Nga, Nguyễn Công Khanh . - Báo cáo tại Hội nghị tập huấn Nâng cao năng lực kiểm định chất lượng. ĐHQGHN, ngày 18-20/01/2006 . - 9 tr.
5. Standards for accreditation / Commission on Institutions of Higher Education . - Bedford, Massachusetts, 1992 . - 31 p.
6. Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực tư đánh giá: Hướng dẫn tìm minh chứng tư đánh giá theo bộ tiêu chuẩn KĐCL đơn vị đào tạo ĐHQGHN / ĐHQGHN . - H., 2006 . - 81 tr.